

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng	Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	ĐỌC	Thơ hiện đại	4	0	3	1	0	2	0	0	10	6
		Tỉ lệ	20%		15%	5%		20%			60%	
2	VIẾT	Nghị luận xã hội								1	1	4
		Tỉ lệ		10%		15%		10%		5%	40%	
Tổng			20%	10%	15%	20%		30%		5%	100%	10
Tỉ lệ			30%		35%		30%		5%			
Tỉ lệ chung			65%				35%					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC	Thơ hiện đại	Nhận biết: - Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính, chủ thể trữ tình, biện pháp tu từ. Thông hiểu: - Nêu giá trị của từ ngữ, biện pháp tu từ. - Hiểu nội dung câu thơ. Vận dụng: - Qua đoạn trích, nêu suy nghĩ của bản thân. - Nhận xét về thái độ tác giả.	4	4	2		10
2	VIẾT	Nghị luận về tư tưởng, đạo lý	Nhận biết: - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. Thông hiểu: - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các				1	1

		phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí. Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.					
--	--	--	--	--	--	--	--

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!

Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Trích Nguyễn Bính – Thơ và đời, NXB Văn học, 2003)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- | | |
|-------------|--------------|
| A. Tự do. | B. Hai-kự. |
| C. Lục bát. | D. Ngũ ngôn. |

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính.

A. Nghị luận.

B. Biểu cảm.

C. Tự sự.

D. Miêu tả.

Câu 3. Chủ thể trữ tình của văn bản trên là:

A. Chàng trai.

B. Cô gái.

C. Thầy u.

D. Em.

Câu 4. Gọi tên hai biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Nào đâu cái áo tứ thân?

Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

A. Nhân hóa, so sánh.

B. Câu hỏi tu từ, liệt kê.

C. Ẩn dụ, hoán dụ.

D. Tương phản, điệp từ.

Câu 5. Ý nào nói đúng nhất về đẹp của hình ảnh thơ trong hai câu thơ sau:

Hoa chanh nở giữa vườn chanh

Thầy u mình với chúng mình chân quê

A. Vẻ đẹp đời thường, giản dị.

B. Vẻ đẹp mộc mạc, tự nhiên.

C. Vẻ đẹp chân chất, gần gũi.

D. Vẻ đẹp thân thuộc, nhẹ nhàng.

Câu 6. Việc sử dụng câu cảm thán trong câu thơ *Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa có tác dụng gì?*

A. Diễn tả tâm trạng sợ hãi.

B. Diễn tả tâm trạng lo lắng.

C. Diễn tả mong cầu khẩn thiết.

D. Diễn tả nỗi niềm xót xa.

Câu 7. Nội dung chính của hai câu thơ:

Hôm qua em đi tỉnh về

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

A. Phản ánh thực tế cô gái quê đã đổi thay.

B. Phản ánh hiện trạng hồn quê bị văn minh đô thị làm cho phai nhạt.

C. Bộc lộ sự tiếc nuối vì cô gái quê đã đổi thay.

D. Bộc lộ sự tiếc nuối trước hiện trạng hồn quê bị văn minh đô thị làm cho phai nhạt.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 8. Nêu giá trị của việc sử dụng các từ ngữ “*Thầy u mình*”, “*Chúng mình*”.

Câu 9. Nhận xét về thái độ của tác giả với văn hóa truyền thống được thể hiện trong văn bản.

Câu 10. Theo anh/chị, trong thời đại ngày nay, có cần thiết phải “*giữ nguyên quê mùa*” hay không? Vì sao? (Trình bày đoạn văn khoảng 5-7 câu)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về điều bản thân cần làm để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC		6,0
	1	Đáp án: C Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	2	Đáp án: B Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	3	Đáp án: A Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	4	Đáp án: B Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	5	Đáp án: B Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	6	Đáp án: C Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	7	Đáp án: D Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	0,5
	8	Các từ ngữ “ <i>Thầy u mình</i> ”, “ <i>Chúng mình</i> ” đều là các cụm từ dung dị, theo thói quen nói năng của người nhà quê (1); từ đó gợi ra một không gian	0,5

		văn hóa thân thuộc; gợi cảm giác thân mật, gần gũi cho người nghe; khơi thức tình yêu, sự quyến luyến với truyền thống (2). Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	
	9	Trong đoạn trích, tác giả thể hiện thái độ trân trọng, nâng niu với văn hóa dân tộc. Đây là thái độ đúng đắn, tích cực. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời chưa đầy đủ: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm. <i>Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo nội dung.</i>	1,0
	10	Yêu cầu 1: HS đưa ra quan điểm của cá nhân. Đảm bảo đúng chuẩn mực đạo đức. Yêu cầu 2: HS lý giải được lý do. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng, đủ 3 yêu cầu: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ yêu cầu: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời sai: 0 điểm.	1,0
II	VIẾT		4,0
	1	Nghị luận xã hội	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Điều bản thân cần làm để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai các vấn đề nghị luận; có thể triển khai theo nhiều cách, song cần đảm bảo các ý chính: - Giải thích: <i>bản sắc văn hóa</i> là những giá trị vật chất, tinh thần tinh túy nhất, cô đọng nhất, bền vững nhất; là sắc thái cội nguồn, riêng biệt của mỗi dân tộc, làm cho dân tộc này không thể lẫn với dân tộc khác. - Bàn luận: Tại sao chúng ta cần phải biết giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc? + Bởi bản sắc văn hóa làm nên sự giàu đẹp đời sống của một quốc gia, được thế giới nhìn nhận, ngưỡng mộ, giúp đất nước ta phát triển về nhiều mặt. Cho nên trách nhiệm của giới trẻ hiện nay là phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tự hào và nêu cao tinh thần tự tôn, tiếp thu tinh hoa văn hóa có chọn lọc.	

	+ Bản sắc văn hóa là thiêng liêng, quý giá, nó tạo nên nét đặc thù của mỗi dân tộc. Nó được hình thành trong lịch sử lâu dài của một dân tộc, đúc kết từ kinh nghiệm sống, được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Nó tồn tại tự nhiên, được biểu hiện ra bề ngoài nhưng cũng có thể ẩn sâu trong tâm hồn con người. + Nếu chúng ta biết giữ gìn văn hóa thì tâm hồn mỗi người sẽ trở nên giàu có, hướng thiện, vốn sống được tăng lên, hiểu rõ hơn về nguồn cội, quê hương và những tri thức mới lạ trên thế giới. Điều bản thân cần làm để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc? + Trước hết mỗi cá nhân đặc biệt là học sinh chúng ta phải tìm hiểu những bản sắc văn hóa vốn có của dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị đó với bạn bè năm châu. + Bên cạnh đó, tham gia nhiều hơn những hoạt động để tìm hiểu nguồn tri thức về bản sắc văn hóa dân tộc. + Tích cực đăng ký và tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, trong đó chú trọng các đề tài liên quan bảo vệ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. - Bàn luận mở rộng: Chúng ta đang sống trong thời kì hội nhập, tiếp thu đa diện nền văn hóa các nước; tuy nhiên, chính điều này đã khiến cho một số bộ phận giới trẻ Việt Nam để “hương đồng gió nội: bay đi ít nhiều. - Chứng minh - Khẳng định lại vấn đề/Rút ra bài học Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (2,0-2,5 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,25-1,75 điểm).</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (1,0 điểm).</i> Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	2,5
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo đúng chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
Tổng		10,0

<https://www.vnteach.com>